

Số: 130/2024/QĐST-DS

TP Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thuý Hồng**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ X, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ *Bị đơn*: Ông **Châu Văn L** và bà **Nguyễn Thị Q**;

Cùng địa chỉ: Tổ Y, phường P, thành phố Tuyên Quang tỉnh Tuyên Quang.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ X, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Châu Văn L và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm tháo dỡ tường rào đoạn nối từ các điểm **3, 3a, 4, 5, 6**; làm lại tường rào theo vị trí các điểm **35a** nối thẳng đến điểm **6**. Trong đó điểm 35a là điểm nằm trên đoạn thẳng **35, 3a**; điểm 35a cách điểm 3a là 42cm; Khoảng cách từ điểm 3a đến điểm 3b là 30cm (là phần đất bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn do xây tường rào sang đất nguyên đơn) và

khoảng cách từ điểm 3b đến điểm 35a là 12cm (là phần đất bị đơn nhất trí cho nguyên đơn sử dụng). Các điểm **3, 3a, 3b, 4, 5, 6, 35, 35a** có trên sơ đồ kèm theo Quyết định.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thuý H chịu 4.000.000 đồng (Bà Hồng đã nộp tạm ứng chi phí - đã nộp đủ); Ông Châu Văn L và bà Nguyễn Thị Q chịu 3.576.000 đồng - Ông Châu Văn L và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thuý H 3.576.000đ (*Ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). Chia theo phần bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thuý H 1.788.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*), ông Châu Văn L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thuý H 1.788.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả, khi đến hạn trả theo Quyết định và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

2.3. Án phí: Bà Nguyễn Thuý H phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hồng nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang theo biên lai số 0000249 ngày 28/11/2023. Trả lại bà Hồng số tiền còn thừa là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Phan Anh Thành

